

Anpha Petrol®



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Địa chỉ: Phòng 805, lầu 8, tòa nhà Saigon Paragon, số 3, Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 5413 6338

Fax: (028) 5413 6340

Website: www.anphapetrol.com

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018

THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	17
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	27
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
QUẢN TRỊ CÔNG TY	41
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018	49



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Anpha Petrol®

AN TOÀN - AN TÂM - TIN CẬY

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Giấy chứng nhận ĐKDN số	Số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 02/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 23/10/2014
Vốn điều lệ	373.399.290.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	373.399.290.000 đồng
Địa chỉ	Phòng 805, lầu 8, tòa nhà Saigon Paragon, số 3, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 5413 6338
Số fax	(028) 5413 6340
Website	www.anphapetrol.com
Mã cổ phiếu	ASP



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1999

Năm 1999 thành lập công ty Gia Đình là Công ty kinh doanh gas tự nhân đầu tiên ở Việt Nam với thương hiệu bình gas, trạm chiết nạp và hệ thống phân phối hoàn chỉnh. Là Công ty tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hiện nay.

Tháng 4/2004 thành lập Công ty cổ phần Dầu khí An Pha S.G. (nay là Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha).

Năm 2004

Chức năng kinh doanh chính là: Mua bán, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai, Kinh doanh LPG đóng chai, Cho thuê kho chứa LPG, Vận chuyển LPG rời và LPG chai.

Năm 2005

Tháng 4/2005 thành lập Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha tại Hà Nội.

Tháng 3/2007 sở hữu 99% vốn điều lệ của Công ty TNHH DV TM Gia Đình với thương hiệu Gia Đình Gas. Cũng trong thời gian này Công ty trở thành Công ty đại chúng.

Năm 2007

Tháng 5/2007 sở hữu 60% vốn điều lệ Công ty TNHH Khí Đốt Gia Đình (Hà Nội) với thương hiệu Gia Đình Gas.

Ngày 15/2/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán ASP, sự kiện này khẳng định sự phát triển ổn định, vững chắc đồng thời nâng cao uy tín, tầm vóc công ty trên thị trường chứng khoán cũng như vị thế trong ngành.

Năm 2008

Tháng 12 năm 2008, Công ty Gia Đình đầu tư góp vốn vào công ty Bình Minh để phát triển hệ thống phân phối Gas dân dụng chuyên nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2009

Tháng 8/2009, mua cổ phần của cổ đông thiểu số của công ty TNHH TM DV Gia Đình để sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty, đồng thời chuyển đổi sở hữu thành Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình.

Năm 2014

Tháng 09/2014, Công ty Saisan – Công ty kinh doanh Gas dân dụng tại Nhật Bản trở thành cổ đông lớn nhất: sở hữu 49 % cổ phần của An Pha Petrol, tạo điều kiện đầu tư phát triển mạnh mẽ An Pha Petrol theo định hướng phát triển kinh doanh Gas dân dụng hiện đại hàng đầu Việt Nam.

Tháng 12/2014, đầu tư sở hữu 98% công ty Cổ phần Gas Bình Minh, hệ thống bán lẻ Gas lớn nhất Việt Nam.

Năm 2017

Tháng 1 năm 2017, đầu tư sở hữu 100% Công ty Cổ phần Nam Gas, hệ thống bán lẻ Gas lớn thứ hai (02) tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2017, Công ty đã đầu tư vào một số Công ty bán gas dân dụng tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và Phía Bắc Việt Nam.

Năm 2018

Năm 2018 đầu tư sở hữu 60% Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần là Công ty sở hữu hệ thống bán lẻ gas dân dụng lớn nhất miền Bắc, tháng 05/2019 sẽ sở hữu 100% Công ty này.

Tháng 10/2018 sở hữu 67,19% Cổ phần Công ty MT Gas là công niêm yết trên sàn UPCOM. Tháng 10/2018 đầu tư mua 80% phần vốn góp Công ty kinh doanh Gas Đức Hải và thành lập chi nhánh Công ty Gia Đình Gas tại Đà Nẵng.



MỘT SỐ THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC



Công ty được bầu chọn vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố cho các năm: 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.



Công ty được bầu chọn vào top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố cho các năm: 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.



Công ty ASP đứng thứ 5 trong bảng xếp hạng ngành kinh doanh xăng dầu, khí đốt, nhiên liệu và các sản phẩm liên quan. Hiện nay là doanh nghiệp số 1 về thị phần bán lẻ Gas tại Việt Nam.



Sản phẩm gas bình thương hiệu “Gia Đình Gas” của Công ty được cấp chứng chỉ Hàng Việt Nam chất lượng cao các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017, 2018.



Trong vòng 20 năm (từ 1999 tới 2019), Tập đoàn An Pha đã đầu tư xây dựng và phát triển một hệ thống kinh doanh Gas hoàn chỉnh lớn nhất Việt Nam với các hệ thống cơ sở hạ tầng cầu cảng, kho chứa, hệ thống vận tải thủy bộ, trạm chiết nạp gas, cửa hàng kinh doanh gas với các thương hiệu Gia Đình Gas, Gas Bình Minh, Nam Gas, MT Gas, Ngọn Lửa Thần, Gas One phủ khắp Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất chiết nạp LPG và phân phối sản phẩm LPG chai phục vụ cho các hộ tiêu thụ gas dân dụng và công nghiệp.
- Bán buôn LPG rời.
- Cho thuê kho chứa LPG, vận chuyển LPG rời và LPG chai.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, các sản phẩm của An Pha Petrol được phân phối với mạng lưới nhà phân phối và đại lý rộng khắp tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

Một số khu vực trọng điểm như sau:

- Khu vực Miền Bắc: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương và Hải Phòng, một số tỉnh Tây Bắc bộ và Đông Bắc bộ.
- Khu vực Miền Trung: Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- Khu vực Miền Nam: Tp. Hồ Chí Minh, Miền Tây và khu vực Miền Đông - Nam Bộ.

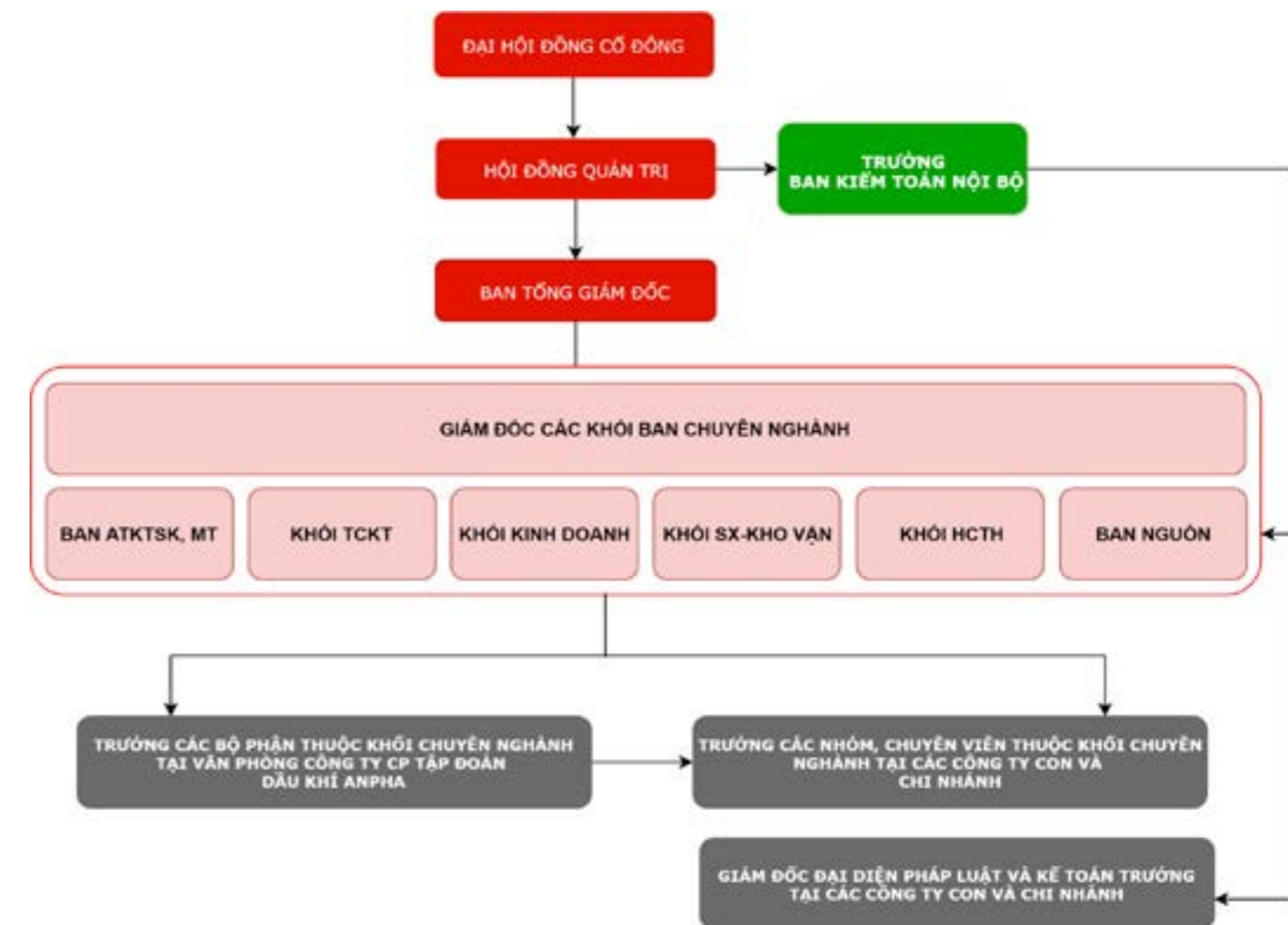
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Alpha Petrol®

Công ty phát triển theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm: Công ty mẹ và nhóm các công ty con 100% vốn sở hữu của công ty mẹ và nhóm các công ty liên kết. Hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật liên quan:

- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.
- **Ban kiểm toán nội bộ:** Ban kiểm toán nội bộ hoạt động thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm soát nội bộ các mặt hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT.



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY THAM GIA LIÊN KẾT

Tên Công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ/ Ngành nghề kinh doanh chính
CÔNG TY CON TRỰC TIẾP			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	150.000.000.000	100%	Địa chỉ: Lã Xuân Oai, P. Tăng Nhơn Phú, Q.9, TP.HCM Ngành nghề: Sản xuất chiết nạp và phân phối LPG chai.
CTCP Dầu khí An Pha	141.300.000.000	98,57%	Địa chỉ: LÔ CN 03-07, Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội. Ngành nghề: Mua bán nhập LPG rời, cho thuê kho chứa.
CTCP MT Gas	63.000.000.000	67,19%	Địa chỉ: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Ngành nghề: sản xuất, kinh doanh khí hóa lỏng; xăng, dầu, dầu mỡ nhờn; phân phối sản phẩm gas dân dụng và gas công nghiệp
CÔNG TY CON GIÁN TIẾP (THÔNG QUA CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP)			
CTCP Khí đốt Gia Định	30.000.000.000	99,94%	Địa chỉ: LÔ CN 03-07, Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội. Ngành nghề: Sản xuất chiết nạp và phân phối LPG chai.
CTCP Thương mại Gas Bình Minh	35.830.000.000	99,99%	Địa chỉ: 10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP.HCM. Ngành nghề: Bán lẻ gas bình.
CTCP Nam Gas	30.000.000.000	99,99%	Địa chỉ: Số 40/18 Ấp Bắc, Q. Tân Bình, TP.HCM. Ngành nghề: Bán lẻ gas bình.
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đặng Toàn	20.000.000.000	100%	Địa chỉ: Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Ngành nghề: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT			
Công ty TNHH Bình khí Hong Vina	25.520.000.000	35,00%	Địa chỉ: Số 295/71 An Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM. Ngành nghề: Sản xuất và sửa chữa chai LPG.
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	2.800.000.000	49,00%	Địa chỉ: Số 34A Nguyễn Khoái, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngành nghề: Kinh doanh gas bình, vận tải.
CTCP Sản xuất & Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	3.000.000.000	49,00%	Địa chỉ: Số 26 ngõ 29 Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngành nghề: Kinh doanh gas bình và vận tải.
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Tân Đại Phát	4.870.000.000	49,00%	Địa chỉ: Xóm 2, xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An. Ngành nghề: Kinh doanh gas bình.
Công ty TNHH Đức Hải	4.500.000.000	80%	Địa chỉ: Tổ 92, Lô 8A1.1, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng. Ngành nghề: Kinh doanh Gas bình và vận chuyển.
CTCP Ngọn Lửa Thân	60.000.000.000	60,00%	Địa chỉ: Số 4 Tôn Đức Thắng, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội. Ngành nghề: Bán lẻ gas bình.



Anpha Petrol®



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chiến lược chủ yếu của công ty

- Xây dựng một hệ thống kinh doanh gas bao gồm công tác quản trị, điều hành công ty với hạ tầng kết nối từ kho cảng, trạm nạp, cửa hàng bán lẻ gas, đến tận tay người tiêu dùng, tạo ra chuỗi giá trị khép kín trong hoạt động kinh doanh gas.
- Phát triển, ngày một nâng cấp hệ thống phân phối với thị phần bán lẻ lớn nhất và duy nhất khác biệt trong ngành, phát triển Hệ thống phân phối trực thuộc Công ty ổn định, gắn kết chặt chẽ, phục vụ tốt nhất công tác bán lẻ đến người tiêu dùng, đảm bảo tính chuyên nghiệp của Hệ thống và thỏa mãn niềm tin của người tiêu dùng thật sự yên tâm khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ của công ty bởi sự “An toàn và tiện lợi”.
- Xây dựng hệ thống quản trị Doanh nghiệp với tính chuyên môn hóa cao, cùng với việc ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản trị nhằm tạo ra tính kết nối chặt chẽ, nâng cao hiệu quả cho việc quản lý, điều hành Doanh nghiệp, hỗ trợ Công ty trong mục tiêu đạt hiệu quả kinh doanh cao và tăng trưởng bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục thực hiện hợp tác xây dựng hệ thống phân phối theo mô hình chuỗi các cửa hàng bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, song song với việc xây dựng mạng lưới các tổng đại lý kiểu mẫu tại các khu vực trực thuộc Công ty, cùng với các tổng đại lý và đại lý khác để tạo thành một hệ thống phân phối phát triển rộng khắp, nâng cao thị phần và uy tín của Công ty.
- Phát triển song song trong cả hai mảng bán buôn và bán lẻ, không ngừng mở rộng và khai thác tối đa tiềm năng thị trường.
- Tìm kiếm và phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh khác có tương quan nhằm phối hợp, tận dụng khai thác tối ưu hệ thống mạng lưới bán lẻ của công ty, hỗ trợ cho Công ty phát triển hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững.



Mục tiêu phát triển bền vững

Đối với môi trường

Công tác bảo vệ môi trường tại Công ty luôn được lãnh đạo Công ty cũng như Tổng Giám đốc đặc biệt chú trọng. Công ty luôn tiến hành giám sát môi trường định kỳ theo tần suất, thông số, vị trí đúng cam kết và luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Việc phân loại và áp dụng các hệ thống tân tiến để xử lý đối với từng loại chất thải riêng biệt được Công ty áp dụng nhằm đảm bảo sự ảnh hưởng tối thiểu đến môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Đối với xã hội, cộng đồng

Công ty xem việc phát triển bền vững là việc tri ân cho xã hội và Cộng đồng.

RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2018 là năm thành công toàn diện của kinh tế Việt Nam, khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, bên cạnh đó là nhiều con số tăng trưởng kỷ lục đáng chú ý.

Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP trong năm 2018 đạt mức kỷ lục 7,08%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Kể từ năm 2008, sau khi Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tăng trưởng GDP của Việt Nam mới lại chạm ngưỡng 7%, cho thấy nền kinh tế đã từng bước hồi phục vững chắc hơn.

Đặc biệt, con số 7,08% của tăng trưởng GDP cao hơn mục tiêu 6,7% Quốc hội đã đề ra và cũng cao hơn mọi dự báo. Trước đó, nhiều dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín trong năm 2018 đã tin tưởng vào thành công của chúng ta và có những dự báo tích cực đối với Việt Nam. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP cả năm nay là 6,8%; Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tiếp tục dự báo khoảng 6,9%...

Điều đáng ghi nhận là, dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo mục tiêu kiểm soát dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2017... Điều đó cho thấy Chính phủ không chỉ tập trung cho con số tăng trưởng mà còn chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Đáng chú ý hơn nữa, kim ngạch xuất nhập khẩu thiết lập kỷ lục mới, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả năm đạt trên 482,23 tỷ USD. Đặc biệt, lần đầu tiên, Việt Nam đạt mức xuất siêu trên 7 tỷ USD. Đây là con số mà trước nay Việt Nam chưa bao giờ đạt được.

Rủi ro cạnh tranh

Do áp lực các Công ty kinh doanh gas phải đầu tư đủ số lượng vỏ bình tối thiểu và phải có số lượng đại lý và cửa hàng phân phối theo quy định của Nghị định 19/2016/NĐ-CP, sau đó được thay thế bởi Nghị định 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí của Chính phủ đã tạo ra việc cạnh tranh rất khốc liệt giữa các đơn vị trong ngành để tranh giành hệ thống phân phối gas bằng rất nhiều hình thức khác nhau nhưng hình thức phổ biến nhất là hạ giá bán, vì vậy tác động xấu đến mục tiêu về tăng trưởng ổn định, bền vững của Công ty.

Bên cạnh đó, nạn sản xuất san chiết nạp gas lậu, hoán cải chiếm đoạt tài sản vỏ bình gas của các Doanh nghiệp làm ăn có uy tín trên thị trường nói chung trong đó có An Pha Petrol, làm ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của Công ty.

Rủi ro biến động giá

Ngành dầu khí nói chung và ngành khí thiên nhiên nói riêng là ngành mang tính trọng điểm kinh tế quốc gia, do đó giá khí được hình thành bởi nhiều yếu tố bao gồm tính cạnh tranh của cung cầu của thị trường khí và các yếu tố về chính sách phát triển kinh tế riêng biệt của mỗi quốc gia, cũng như tình trạng sung đột địa chính trị trên toàn cầu. Tuy nhiên, riêng đối với mức độ tương quan giữa giá khí LPG và giá dầu rất cao. Nguyên nhân là do khí LPG chủ yếu sử dụng trong thương mại quốc tế nên chịu ảnh hưởng phí vận chuyển và thị trường dầu mỏ quốc tế.

Do đó có thể nói, đây là mặt hàng đặc biệt, với đặc trưng diễn biến giá phức tạp, mức độ biến động tương đối cao. Nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá ảnh hưởng tiêu cực, Công ty luôn quan tâm, theo dõi diễn biến nhằm có những biện pháp ứng phó phù hợp đối với tình hình thực tế.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, An Pha Petrol thực hiện tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.



Rủi ro quản trị

Hiện Công ty đang hoạt động dưới hình thức Tập đoàn, với mô hình gồm nhiều đơn vị thành viên là các công ty con, công ty liên kết. Với mô hình như trên, trong quá trình hoạt động, Công ty có thể xuất hiện các rủi ro do quá trình phối hợp, kiểm soát giữa các đơn vị, phòng ban chức năng không được rõ ràng, chặt chẽ, dẫn đến các tổn thất không đáng có cho Công ty.

Nhằm khắc phục vấn đề trên, Công ty đã thực hiện xây dựng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định chuyên môn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm điều chỉnh và khắc phục kịp thời các trường hợp sai sót, vi phạm có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, công tác quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo duy trì, phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt, hiệu quả, tối ưu chi phí vận hành; hướng trọng tâm vào việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, có đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, Công ty không ngừng nghiên cứu để cải thiện chính sách đãi ngộ, đảm bảo sự công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Rủi ro an toàn phòng cháy chữa cháy

Hoạt động trong lĩnh vực trong ngành nghề kinh doanh đặc trưng với rủi ro hỏa hoạn luôn thường trực, hàng năm, Công ty và các đơn vị thành viên luôn đảm bảo thực hiện diễn tập các phương án trong kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đã được chấp thuận. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng đầy đủ quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố và quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy. Các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động luôn được đảm bảo kiểm định theo các yêu cầu của quy định hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo thực hiện theo quy định các yêu cầu về:

- An toàn đối với bồn chứa khí, đường ống vận chuyển khí.
- An toàn đối với trạm nạp LPG vào chai.
- An toàn đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- An toàn vận chuyển LPG.

Ngoài ra, tất cả nhân sự có liên quan đến việc quản lý, người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh khí, kể cả nhân viên điều khiển phương tiện vận chuyển khí đều được huấn luyện về kỹ thuật an toàn định kỳ hàng năm.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	TH năm 2018	KH năm 2018	% TH 2018 / TH 2017	% TH 2018 / KH 2018
1	Sản lượng	Tấn	108.239	143.415	131.000	132,50%	109,48%
-	Gas bình	Tấn	81.140	105.387	96.000	129,88%	109,78%
-	Gas bồn	Tấn	27.099	38.028	35.000	140,33%	108,65%
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.909.942	2.641.932	2.500.000	138,33%	105,68%
3	Lợi nhuận gộp	Tr. đồng	408.883	500.396	-	122,38%	-
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	Tr. đồng	38.757	57.912	-	149,42%	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	61.689	67.618	-	109,61%	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	44.150	55.033	80.000	124,65%	68,79%

Trong năm 2018, việc giá dầu thế giới biến động liên tục đã và đang tác động trực tiếp về nhiều mặt đến nền kinh tế của cả các nước xuất khẩu lẫn nhập khẩu loại nhiên liệu được coi là “huyết mạch” này. Ngoài ra, diễn biến trên cũng tác động đáng kể đến các Doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh khí LPG (Liquefied Petroleum Gas), trong đó có An Pha Petrol. Nhìn chung, tình hình kinh doanh trong năm 2018 của Công ty có nhiều kết quả tích cực, cụ thể: tổng sản lượng gas đạt 143.415 tấn, tăng 32,50% so với cùng kỳ năm 2017; doanh thu thuần tăng 38,33% so với năm trước, đạt giá trị 2.641.932 triệu đồng. Cùng với sự tăng trưởng về sản lượng, doanh thu Công ty đã quản lý tốt các chi phí, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của An Pha Petrol đạt 55.033 triệu đồng, tăng 24,65% so với năm 2017.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2018

Stt	Thành viên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Trần Minh Loan	Tổng giám đốc	2.188.100	5,86%
2	Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%
3	Ông Huỳnh Bửu Tuần	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc khối TCKT	0	0,00%
4	Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Giám đốc khối HCNS	0	0,00%
5	Ông Trần Quốc Bửu	Giám đốc khối Kinh doanh	0	0,00%
6	Ông Vương Thăng Long	Giám đốc khối Sản xuất, kho vận	0	0,00%
7	Ông Trần Quang Tùng	Giám đốc Ban nguồn hàng	0	0,00%
8	Bà Ngô Minh Khuyên	Quyền Trưởng Ban KSNB	0	0,00%

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Điều hành trong năm 2018

Trong năm qua, Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành. Bổ nhiệm Ông Huỳnh Bửu Tuần giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01/12/2018 theo Nghị quyết HĐQT số 339/CV-ASP/2018 ngày 20/11/2018.

Số lượng cán bộ công nhân viên (CBCNV) tại ngày 31/12/2018

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	1.264	100
1	Trên đại học	03	0,23
2	Đại học	195	15,4
3	Cao đẳng	154	12,1
4	Trung cấp	60	4,7
5	CNKT	852	67,4
6	Khác	0	0
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.264	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	848	67,1
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	416	32,9
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0



Chính sách nhân sự

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì CBCNV làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Về đào tạo

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, cụ thể như sau:

- Đào tạo nhân sự mới: Để giúp nhân viên mới có thể hòa nhập với môi trường Công ty, làm việc với hiệu quả công việc cao hơn, bộ phận nhân sự và một số bộ phận liên quan sẽ thực hiện các chính sách đào tạo ban đầu giúp cho nhân viên mới hiểu rõ nội quy, các quy định, hoạt động, cơ cấu tổ chức, các nghiệp vụ của Công ty và văn hóa nội bộ Công ty.
- Hàng năm Công ty căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ và từng đối tượng lao động có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn nhằm đảm bảo người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do Công ty chi trả.

Về tuyển dụng

Công tác tuyển dụng ngày càng được Công ty đặc biệt chú trọng để tuyển chọn, đào tạo cán bộ, nhân sự tâm huyết, đủ năng lực – trình độ để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng cao của Công ty. Người lao động thường xuyên được đào tạo, cập nhật kiến thức mới để áp dụng hiệu quả hơn trong công việc.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc từng người, khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hoạt động đầu tư trong năm 2018, chủ yếu tập trung vào việc sản xuất mới vỏ bình phục vụ hoạt động gia tăng sản lượng bán hàng và đầu tư gián tiếp sở hữu hệ thống phân phối thông qua hoạt động M&A.

Trong đó:

- Đầu tư vỏ bình Gas sản xuất mới: 195.578.623.332 đồng.
- Đầu tư sở hữu hệ thống phân phối: 108.531.121.007 đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	1.346.232	1.571.517	16,73%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.909.942	2.641.932	38,33%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Tr.đồng	38.757	57.912	49,42%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	22.932	9.706	-57,67%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	61.689	67.618	9,61%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	44.150	55.033	24,65%
7	EPS	Đồng	1.181	1.525	29,13%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,72	0,66
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,5	69,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	217,42	226,44
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	28,88	31,43
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,73	1,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,31	2,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,88	12,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,99	3,77
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	2,03	2,19

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, trong năm 2018 các nhóm chỉ số về khả năng thanh toán đều có sự sụt giảm, cụ thể: Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 0,72 lần xuống còn 0,66 lần; Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,57 lần giảm so với giá trị 0,64 lần trong năm 2017. Nguyên nhân cho sự sụt giảm của nhóm chỉ số này là do trong năm Công ty đã sử dụng nguồn vốn lưu động để mua thêm vỏ bình gas đủ cho nhu cầu tăng trưởng sản lượng bán ra. Ngoài ra, Công ty góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần MT Gas và Công ty cổ phần Ngọn Lửa Thần với giá trị gần 55 tỷ đồng nhằm gia tăng thị phần, mở rộng kênh bán lẻ và tận dụng các lợi thế có sẵn từ các Công ty này. Tuy nhiên đây là một trong những yếu tố góp phần quan trọng cho sự tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng bán, doanh thu, lợi nhuận...

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Mặc dù Vốn chủ sở hữu có sự gia tăng từ 424.117 triệu đồng lên 481.415 triệu đồng nhưng tốc độ tăng của nợ cao hơn 4,71% khiến các chỉ số về cơ cấu vốn trong năm qua có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chuyển khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty Saisan (Công ty mẹ) qua nợ vay dài hạn với giá trị 5 triệu USD, bên cạnh đó An Pha Petrol tăng vay nợ ngắn hạn với Ngân hàng Bangkok – Chi nhánh Hà nội từ 7 triệu USD lên 10 triệu USD làm gia tăng khoản nợ vay. Tất cả các khoản vay của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư mở rộng hệ thống phân phối Gas trên toàn Quốc.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh trong năm 2018, từ 28,88 lên 31,43 vòng cho thấy khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty hiệu quả hơn. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng, mở rộng các kênh phân phối và tập trung vào kênh bán lẻ, là một trong những doanh nghiệp đưa sản phẩm trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng nên Công ty đã bán hàng nhanh hơn, sản lượng gia tăng và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Tương tự như chỉ số vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng tăng mạnh trong năm 2018, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cao hơn. Cụ thể, năm 2018, cứ 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh đã tạo ra được 1,81 đồng doanh thu, tăng 4,6% so với năm 2017.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu (ROS) và tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA) có xu hướng giảm nhưng việc gia tăng sử dụng đòn cân nợ phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty đã giúp chỉ số ROE năm 2018 tăng từ 10,88% lên 12,15% cho thấy Công ty đang sử dụng hiệu quả vốn của cổ đông. Năm 2018, Công ty đang trong quá trình đầu tư, góp vốn, mở rộng hệ thống kinh doanh làm tăng chi phí tài chính và chi phí bán hàng so với cùng kỳ, ngoài ra Công ty không còn nguồn thu nhập khác đến từ việc thanh lý nhượng bán tài sản như năm 2017 nên dù LNST tăng nhưng tốc độ tăng lại thấp hơn doanh thu, dẫn đến tỷ lệ ROS giảm. Cùng với đó, việc gia tăng đầu tư góp vốn, mua vỏ bình gas, xe tải đã làm tổng tài sản của doanh nghiệp tăng lên nhiều, khoảng 225 tỷ đồng nên tỷ lệ ROA cũng có xu hướng giảm nhẹ.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2018

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 37.339.929 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 37.339.542 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 387 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 01/04/2019

Stt	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	19.043.429	190.434.290.000	51,00%
1	Cá nhân	18.867.508	188.675.080.000	50,53%
2	Tổ chức	175.921	1.759.210.000	0,47%
III	Cổ đông nước ngoài	18.296.113	182.961.130.000	49,00%
1	Cá nhân	78.429	784.290.000	0,21%
2	Tổ chức	18.217.684	182.176.840.000	48,79%
IV	Cổ phiếu quỹ	387	-	0,00%
	Tổng cộng	37.339.929	373.395.420.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2018, Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ năng lượng

- Sản lượng điện tiêu thụ trong năm 2018 là 120.000 KW, tăng 2% so với năm 2017.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến, công nghệ, quy trình sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có.

Tiêu thụ nước

- Sản lượng nước tiêu thụ trong năm 2018 là: 2.000 m3
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Chưa có.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Nhờ có chiến lược rõ ràng và triển khai thực hiện đồng bộ, Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về hóa chất, các bồn chứa, trạm chiết nạp của Công ty luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như gây tác động xấu tới môi trường.
- Trong năm 2018, An Pha Petrol không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động tại Công ty tính tới 31/12/2018 là 1.264 người. Mức lương trung bình trong năm 2018 đối với người lao động đạt trên 11,4 triệu đồng/người/tháng.
- Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động/bảo vệ cá nhân, bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty. Máy móc, thiết bị đều được kiểm tra nghiêm ngặt định kỳ về mức độ an toàn theo quy định của Công ty.
- Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lựa chọn những đơn vị khám có uy tín, chất lượng, tăng cường các hạng mục tầm soát, sớm phát hiện để ngừa bệnh.
- Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các sự kiện để CBCNV toàn Công ty tham gia giao lưu, xây dựng tinh thần đồng đội, thông qua các hoạt động cụ thể như: Hội thao truyền thống, với các vận động viên tham gia tranh tài các bộ môn như bóng đá, trò chơi dân gian; Tổ chức các đợt cho cán bộ, công nhân tiêu biểu đi du lịch, nghỉ dưỡng ở nhiều nơi; Hội thao Phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố tràn hóa chất...

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty trích một nguồn kinh phí để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, Ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở các địa phương,... với tinh thần tương thân, tương ái.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Về hiệu quả hoạt động

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	TH năm 2018	KH năm 2018	% TH 2018/ TH 2017	%TH 2018/KH 2018
1	Sản lượng	Tấn	108.239	143.415	131.000	132,50%	109,48%
-	Gas bình	Tấn	81.140	105.387	96.000	129,88%	109,78%
-	Gas bồn	Tấn	27.099	38.028	35.000	140,33%	108,65%
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.909.942	2.641.932	2.500.000	138,33%	105,68%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	61.689	67.618	-	109,61%	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	44.150	55.033	80.000	124,65%	68,79%

Năm 2018, Công ty với tình hình hoạt động kinh doanh tăng trưởng tương đối ổn định với các chỉ tiêu về sản lượng bán, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế có với tốc độ tăng tương đối cao so với năm 2017 lần lượt là 32,50%, 38,33% và 24,65%.

Tuy nhiên, trong đó đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, nguyên nhân chính dẫn đến việc chỉ đạt 68,79% kế hoạch là do cạnh tranh giảm giá bán từ các đối thủ.

Về nguồn cung cấp LPG

An Pha Petrol là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại nên Công ty chủ yếu mua nhập khẩu Gas (LPG) từ các nhà cung cấp nước ngoài và một phần từ các nhà cung cấp trong nước như Nhà máy Dung Quất, Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Nhà Máy Dinh Cố, sau đó chiết nạp ra sản phẩm gas bình để phân phối lại cho người tiêu dùng. Hiện nay lượng gas trong nước không đủ cung cấp nhu cầu thị trường, phần thiếu hụt do các đơn vị nhập khẩu từ các nước như Thái Lan, Singapore, Trung Quốc để bù đắp.

Ngoài nguồn cung gas trong nước chưa thật sự ổn định, phần còn lại Công ty tự nhập khẩu từ các nước: Thái Lan, Singapore, Trung Quốc,... nhằm đảm bảo ổn định nguồn hàng, Công ty đã có những hợp đồng dài hạn với những nhà cung cấp LPG hàng đầu Châu Á như: E1 Coporation- Korea, PTT (Thái Lan),... đây là nguồn cung ứng LPG đầu vào cực kỳ ổn định mà các công ty trong ngành LPG khác khó có thể cạnh tranh được. Thực tế cho thấy từ lúc thành lập đến nay Công ty chưa bao giờ bị thiếu hụt gas cho dù có những thời điểm thị trường gas trong nước bị thiếu hàng.

Về kiểm soát chi phí sản xuất

Công ty tận dụng được tối đa hệ thống kho và thực hiện kiểm soát chi phí bằng việc sử dụng tối đa công suất của máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận chuyển gas, xây dựng các qui định về tiêu hao nguyên vật liệu,... Công ty cũng thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu một cách hợp lý, tăng cường quản trị công nợ phải thu nhằm giảm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí tài chính.

Về hoạt động các kênh phân phối

Kênh phân phối một cấp

Công ty cung cấp LPG cho các công ty thành viên của tập đoàn để các đơn vị này phân phối ra thị trường. Đây là kênh phân phối chủ lực của Công ty, với công tác đầu tư mở rộng, nâng cấp được chú trọng hàng đầu.

Cung cấp sản phẩm qua kênh này luôn đảm bảo an toàn về mặt tài chính, chủ động đầu vào cho các công ty con và đảm bảo sự thống nhất giữa nhiệm vụ kinh doanh của Công ty với các đơn vị thành viên. Công ty đã khai thác được những lợi thế cạnh tranh về lĩnh vực này so với các đối thủ nhờ vào hệ thống vận chuyển của Công ty từ nhà cung cấp đến các Công ty thành viên. Trên thực tế, ngoài sản phẩm gas bình, Công ty đã giành được nhiều hợp đồng cung cấp gas bồn cho các khách hàng công nghiệp với khối lượng lớn. Đối với các thị trường tập trung như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội công ty áp dụng kênh phân phối một cấp, từ công ty đến thẳng hệ thống cửa hàng, đại lý bằng đội xe giao hàng của công ty.

Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống phân phối với chuỗi giá trị khép kín đến tận tay khách hàng giúp Công ty kiểm soát được chất lượng dịch vụ, tạo ra sự hài lòng cao nhất đến khách hàng, qua đó ngày càng nâng cao thị phần và thương hiệu của Công ty.

Trong năm 2018, nhằm mở rộng hệ thống bán hàng, Công ty đã thực hiện đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thành với tổng số lượng là 2.400.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 24.000.000.000 đồng, chiếm 40% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thành và Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thành với tổng số lượng là 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 12.000.000.000 đồng, chiếm 20% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thành, Công ty mua với tổng giá mua là 84.000.000.000 đồng.

Kênh phân phối hai cấp

Trong năm Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty TNHH TM DV Đăng Toàn với số vốn góp là 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn của Công ty TNHH TM DV Đăng Toàn và đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần MT Gas với tổng số lượng là 4.232.970 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 42.329.700.000 đồng, chiếm 67,19% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần MT Gas, Công ty

mua với giá là 35.645.251.007 đồng nhằm cung cấp sản phẩm thông qua 2 công ty này như là một Tổng đại lý cùng với việc cung cấp trực tiếp sản phẩm tới các Tổng đại lý tự do (các đơn vị không phải là thành viên của An Pha Petrol). Đối với các khu vực tỉnh áp dụng kênh phân phối 2 cấp, từ Công ty - Tổng đại lý - Đại lý nhằm phát huy hết những điều kiện vật chất, nhân lực và mạng lưới phân phối tại địa phương.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	12/31/2017 (triệu đồng)	12/31/2018 (triệu đồng)	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018
Tài sản ngắn hạn	537.338	510.273	-5,04%	39,91%	32,48%
Tài sản dài hạn	808.894	1.060.902	31,15%	60,09%	67,52%
Tổng tài sản	1.346.232	1.571.175	16,71%	100,00%	100,00%

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

Năm 2018, tài sản ngắn hạn giảm 5,04% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn với khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn giảm 78,33 tỷ đồng, tương đương giảm 61,26% so với năm 2017.

Ngoài ra trong năm vừa qua, tài sản dài hạn của Công ty tăng 31,15%, chủ yếu đến từ việc đầu tư mua vỏ chai LPG mới cũng như sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG cũ với tổng giá trị là 131,11 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	12/31/2017 (triệu đồng)	12/31/2018 (triệu đồng)	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018
Nợ ngắn hạn	747.554	768.653	2,82%	81,07%	70,50%
Nợ dài hạn	174.561	321.449	84,15%	18,93%	29,50%
Tổng nợ	922.115	1.089.760	18,18%	100,00%	100,00%

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại, Công ty với đặc thù cần nguồn vốn lưu động lớn đáp ứng hoạt động kinh doanh nên nhu cầu sử dụng vốn vay tương đối cao và cơ cấu nợ vay chủ yếu đến từ nợ vay ngắn hạn và tín dụng thương mại. Ngoài ra, một số yếu tố dẫn đến làm gia tăng giá trị nợ vay của Công ty do nhu cầu sử dụng vốn vay thực hiện:

- Đầu tư số lượng vỏ bình gas để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện M&A xây dựng chuỗi Công ty và hệ thống phân phối bán lẻ với mạng lưới được mở rộng tại các thị trường tập trung và vùng lân cận.

Trong năm 2018, cơ cấu nợ vay công ty có sự điều chỉnh tương đối, trong đó, nợ ngắn hạn giảm tỷ trọng từ 81,07% ở năm 2017 xuống 70,50% năm 2018 tương ứng nợ dài hạn với tỷ trọng tăng từ 18,93% năm 2017 lên 29,50% trong năm 2018, cụ thể:

Cơ cấu nợ ngắn hạn: Khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nợ vay ngắn hạn, tiếp đến là khoản phải thu của khách hàng. Trong đó, các khoản nợ vay ngắn hạn chủ yếu dùng để bổ sung vốn lưu động.

Cơ cấu nợ dài hạn: Năm 2018, nợ dài hạn của công ty tăng tương đối mạnh với mức tăng 84,15%, chủ yếu đến từ việc Công ty có phát sinh khoản vay dài hạn đối với Công ty Saisan tài trợ hệ thống bán hàng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Công ty xây dựng hệ thống quản trị với mô hình Giám đốc quản trị các khối chuyên ngành, nâng cao tính chuyên môn hóa và sự tương tác trong các mặt hoạt động được liền mạch.
- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị nhằm nâng cao tốc độ xử lý, tính chính xác và sự kết nối chặt chẽ trong hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống KPIs trong quản lý giám sát hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá và có các chính sách hợp lý đối với người lao động, thúc đẩy năng suất hoạt động tăng cao.
- Xây dựng, cải thiện các chính sách chăm sóc khách hàng ngày một tốt hơn, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số chỉ tiêu kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ tăng trưởng (%KH/TH)
1	Sản lượng LPG bán	Tấn	143.415	151.000	5,29%
-	Gas dân dụng (gas bình)	Tấn	105.387	112.000	6,27%
-	Gas bán buôn (gas bồn)	Tấn	38.028	39.000	2,56%
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	2.641.932	3.164.043	19,76%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	57.912	98.100	69,39%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	55.033	80.000	45,37%

Công tác tổ chức, mục tiêu và chính sách năm 2019

- Củng cố Ban kiểm soát nội bộ nhằm thực hiện các chức năng chính sau:
 - Kiểm soát thực hiện các quyết định của HĐQT, của Tổng giám đốc.
 - Kiểm soát chuyên đề theo quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc.
 - Kiểm soát thực hiện kế hoạch kinh doanh, chi phí hoạt động.
 - Kiểm soát và phân tích kết quả kinh doanh, so sánh với kế hoạch theo tháng, quý và năm.
- Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền thưởng áp dụng cho Tập đoàn, chính sách tiền lương phải đảm bảo như một công cụ, là động lực làm việc của cán bộ, nhân viên, thu hút nhân lực giỏi làm việc cho Công ty.
- Kiện toàn chính sách bán hàng áp dụng cho từng vùng, miền nhằm đảm bảo nguyên tắc nhất quán nhưng phù hợp đặc điểm riêng của từng thị trường.
- Luôn coi trọng việc mở rộng hệ thống phân phối theo chiều rộng thông qua mua bán, sáp nhập công ty đồng thời chú trọng sự ổn định về chiều sâu; Hệ thống phân phối đảm bảo cân đối, tương tác tốt giữa bán buôn và bán lẻ gas bình cũng như gas công nghiệp (gas bồn).
- Xây dựng cơ sở cho việc kinh doanh sản phẩm LNG vào danh mục hàng hóa kinh doanh nhằm đa dạng ngành hàng để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nhân lực, vốn hiện có của Công ty.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác quản lý khách hàng bán lẻ, quản trị điều hành, theo kịp sự phát triển, mở rộng kinh doanh của Công ty, tạo sự khác biệt.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trách nhiệm môi trường

Ngay từ những ngày đầu hoạt động sản xuất, Công ty đã xây dựng kế hoạch hoạt động bảo vệ môi trường bên trong cũng như xung quanh Công ty. Tổng Giám đốc Công ty xác định việc tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường có ý nghĩa quyết định tới sự thay đổi tư duy, nhận thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân về môi trường. Trong những năm qua, Công ty đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau thu hút hàng ngàn lượt CB CNV tham gia. Thông qua các đợt tuyên truyền vận động, Công ty đã góp phần tích cực vào việc nâng cao ý thức và

trách nhiệm của mỗi CB CNV cũng như cộng đồng dân cư xung quanh Công ty trong công tác bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường hiện nay đang là một trong những mối quan tâm mang tính toàn cầu. Giáo dục bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững là một trong các nhiệm vụ quan trọng. Công ty đã cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn về môi trường, phát động các cuộc thi đua bảo vệ môi trường. Qua đó, hình thành cho các CB CNV ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn đánh giá thi đua, biểu dương khen thưởng kịp thời các cá nhân và tập thể có ý thức và thành tích trong việc bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm cộng đồng, xã hội

Công ty xem việc phát triển bền vững là việc tri ân và trả ơn cho xã hội và Cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch và định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục đạt được nhiều thành tích trong hoạt động SXKD, phần nào hoàn thành mục tiêu HĐQT đã đề ra. Doanh thu thuần tăng trưởng 38,33% đạt 2.642 triệu đồng so với mốc 1.910 triệu đồng cùng kỳ năm trước, trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng 49,42%.

Năm 2018 vừa qua, Công ty đã tiếp tục phát huy tối đa các nguồn lực vốn có của mình cũng như tận dụng

được các tập khách hàng có sẵn, giữ mối quan hệ hợp tác bền vững với các nhà cung cấp, hiểu được nhu cầu của họ và đã thành công trong việc đàm phán ký kết hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện thực hiện đầu tư và góp vốn vào các Doanh nghiệp kinh doanh và phân phối khí lớn trên thị trường, các hoạt động này đã làm gia tăng đáng kể nguồn lợi nhuận cho Công ty.

Về quy mô

- So với các đơn vị khác cùng ngành, Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha đang ngày càng khẳng định vị trí của mình là một trong những Công ty dẫn đầu thị trường phân phối Gas trực tiếp đến người tiêu dùng, thông qua việc góp vốn đầu tư vào các Doanh nghiệp phân phối gas Việt Nam. Trong năm 2018, An Pha Petro đã thực hiện đầu tư và sở hữu 100% CTCP Nam Gas (Hệ thống bán lẻ gas lớn thứ hai tại Việt Nam); nắm giữ 60% cổ phần CTCP Ngọn Lửa Thần (Đơn vị bán lẻ GAS lớn nhất Miền Bắc).
- Đặc biệt, sau 20 năm hình thành và phát triển, mạng lưới hệ thống phân phối gas của An Pha Petro đã có mặt ở hầu hết các tỉnh thành Việt Nam thông qua các đơn vị thực hiện đầu tư và góp vốn.

Về thương hiệu

- Thương hiệu của Gia Đình Gas đã dần được khẳng định trên thị trường gas Việt Nam, đặc biệt là các khu vực trọng điểm tại 2 miền Bắc và Nam. Bằng việc M&A các Doanh nghiệp kinh doanh gas có tiềm năng phát triển trên thị trường, Công ty trở thành nhà cung cấp chính đến các đơn vị thành viên. Hơn thế nữa, vị thế đàm phán của An Pha Petro với các đối tác nhập khẩu cũng được cải thiện khi gia tăng sản lượng nhập khẩu.
- Ngoài ra, An Pha Petro cũng rất vinh dự được đón nhận các giải thưởng cao quý như top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report – TOP 05 Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, khí đốt, nhiên liệu năm 2018, nhiều năm Gia Đình Gas là thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2018, để triển khai kế hoạch tăng trưởng 3 năm (2017-2019), Ban giám đốc Công ty vẫn luôn cố gắng nỗ lực, chủ động và kịp thời đưa ra những giải pháp tích cực, phù hợp, bám sát thực tiễn quản lý, nắm bắt kịp thời diễn biến của thị trường. Bên cạnh đó, HĐQT vẫn duy trì chế độ Báo cáo định kỳ và giám sát chặt chẽ đối với Ban giám đốc, giúp các hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành được đồng bộ, liên tục và nhất quán trong quá trình quản lý, tạo sự đồng thuận cao trong tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công

nhân viên để Công ty đi đúng hướng, tuân thủ Điều lệ Công ty mà không ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của mỗi người, đồng thời đảm bảo các chiến lược phát triển, các dự án và các kế hoạch kinh doanh được thực thi đúng hạn. Nhìn chung với năng lực, kinh nghiệm và trí tuệ của từng thành viên trong Ban điều hành thì chất lượng hoạt động của Ban giám đốc ngày càng được nâng cao, tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể đoàn kết, sáng tạo trong việc đưa ra nhiều quyết sách đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên điều kiện hiện tại của nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh gas nói riêng, đang bước vào đà tăng trưởng, HĐQT cũng như Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các định hướng phát triển trong hoạt động kinh doanh của Công ty

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện M&A các Doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng trong ngành nhằm củng cố, mở rộng mạng lưới phân phối trực tiếp trên toàn quốc. Đồng thời, Công ty chú trọng phát triển mạng lưới phân phối với các đại lý kinh doanh Gas ở dưới các địa phương. Chính sách này giúp công ty tiết giảm các khoản chi phí cố định, chi phí quản lý doanh nghiệp trong vận hành.
- Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường quan hệ hợp tác bền vững với các nhà cung cấp để duy trì lượng sản phẩm được phân phối chất lượng và ổn định.

- Đầu tư cho việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cho công tác chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo và tự chủ, phát huy được hết năng lực của bản thân trong công việc, cống hiến hết mình vì Công ty. Tổ chức các buổi hướng dẫn và cung cấp các kiến thức về các công cụ quản lý cho cán bộ quản lý trong toàn Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo cho người lao động niềm tin, niềm tự hào và tự giác gắn quyền lợi của mình với quyền lợi của Công ty. Quan tâm đến đời sống người lao động, cải cách chế độ tiền lương, thưởng cho người lao động gắn với hiệu quả thực hiện công việc.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm toán nội bộ



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT	2.188.100	5,86
2	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên HĐQT	472.000	1,25
3	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	0	0
4	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	0	0
5	Ông Jimba Kentaro	Thành viên HĐQT	0	0

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các tiểu ban: Nhân sự tiền lương; An toàn kỹ thuật, Sức khỏe & Môi trường; Tài chính kế hoạch & đầu tư; Kiểm soát nội bộ; Phát triển kinh doanh và xây dựng chiến lược, đã tập trung tích cực thực hiện tham mưu tư vấn để Hội đồng quản trị ra những quyết định phục vụ hoạt động quản trị công ty.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoản thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2018, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT	07	100%
2	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	07	100%
3	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	07	100%
4	Ông Jimba Kentaro	Thành viên HĐQT	04	57%
5	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên HĐQT	04	57%



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT-ASP/2018	26/02/2018	Chuyển đổi chức năng đầu mối XNK từ công ty con Gia Đình Gas qua cho Công ty mẹ
2	02/NQHĐQT-ASP/2018	05/03/2018	Chốt danh sách cổ đông tổ dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
3	03/NQHĐQT-ASP/2018	01/07/2018	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng 80% cổ phần Công ty CP Ngọn Lửa Thành
4	04/NQHĐQT-ASP/2018	30/07/2018	Thông qua kết quả HĐSXKD quý I&II/2018
5	05/NQHĐQT-ASP/2018	04/11/2018	Sơ kết tình hình hoạt động 9 tháng năm 2018, Định hướng xây dựng kế hoạch năm 2019
6	06/NQHĐQT-ASP/2018	20/11/2018	Cử đại diện quản lý vốn tại Công ty Ngọn Lửa Thành
7	07/NQHĐQT-ASP/2018	27/12/2018	Bổ nhiệm nhân sự Giám đốc đại diện pháp luật tại Cty CP Dầu Khí An Pha

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc

- Chỉ đạo thực hiện công tác lập báo cáo tài chính, hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc trong các hoạt kinh doanh;
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;
- Chuẩn bị nguồn vốn cho các Dự án đã và đang triển khai của Công ty;
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đưa ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Cơ cấu Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Ngô Minh Khuyên	Quyền Trưởng Ban	0	0
2	Ông Trần Quang Tùng	Thành viên	0	0

Các cuộc họp trong năm

STT	Thành viên BKTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Ngô Minh Khuyên	Quyền Trưởng Ban	01	100%
2	Ông Trần Quang Tùng	Thành viên	01	100%

Các hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát nội bộ mới được thành lập thực hiện việc kiểm soát một số mảng và công việc cụ thể do Hội đồng quản trị giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm toán nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập
I. Hội đồng quản trị			
1	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT	72.000.000 đồng
2	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	72.000.000 đồng
3	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	72.000.000 đồng
4	Ông Jimba Kentaro	Thành viên HĐQT	72.000.000 đồng
5	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên HĐQT	72.000.000 đồng
II. Ban kiểm toán nội bộ			
1	Bà Ngô Minh Khuyên	Quyền Trưởng ban	0 đồng
2	Ông Trần Quang Tùng	Thành viên	0 đồng
III. Ban điều hành			
1	Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	436.000.000 đồng
2	Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc	0 đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- Hiện tại các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc chưa tham gia khoá đào tạo về quản trị Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha đang dự kiến thực hiện việc này trong thời gian tới.

Anpha Petrol®



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

Ý kiến kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
 Trụ sở chính TP. Hà Nội:
 Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
 Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
 T +84 (24) 3 783 2121
 F +84 (24) 3 783 2122
 E info@cpavietnam.vn
 W www.cpavietnam.vn

Số: 347/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đình Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1
 Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		510.273.039.968	537.338.181.366
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.788.635.035	61.960.539.248
1. Tiền	111		56.788.635.035	61.960.539.248
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	49.533.338.057	127.860.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		49.533.338.057	127.860.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.107.958.387	268.148.069.109
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	275.562.256.035	194.949.429.432
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.524.779.066	17.514.081.546
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	400.000.000	10.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	22.354.695.741	48.445.077.265
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(11.390.858.898)	(3.361.719.134)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.657.086.443	1.200.000
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	74.190.470.273	62.082.765.992
1. Hàng tồn kho	141		74.190.470.273	62.082.765.992
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		28.652.638.216	17.286.807.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	9.853.239.494	6.576.598.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.763.650.513	9.453.297.074
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	1.035.748.209	1.256.911.335
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.060.902.149.810	808.894.222.231
I Các khoản phải thu dài hạn	210		84.293.622.562	89.507.755.255
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	18.337.320.000	27.631.204.018
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	65.956.302.562	61.876.551.237
II Tài sản cố định	220		102.756.459.771	61.792.173.818
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	86.711.774.829	49.987.385.349
- Nguyên giá	222		247.168.870.887	168.566.646.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.457.096.058)	(118.579.261.042)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		328.437.146	328.437.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(328.437.146)	(328.437.146)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	16.044.684.942	11.804.788.469
- Nguyên giá	228		20.668.594.646	14.745.212.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.623.909.704)	(2.940.424.296)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.024.044.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.024.044.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	87.282.038.342	72.965.791.888
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.410.738.342	43.094.491.888
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.351.300.000	29.871.300.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(480.000.000)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		786.570.029.135	583.604.457.270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	538.457.266.828	405.352.251.523
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	248.112.762.307	178.252.205.747
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.571.175.189.779	1.346.232.403.597

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.089.759.886.645	922.115.035.468
I- Nợ ngắn hạn	310		768.310.595.843	747.553.624.687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	236.818.205.926	212.282.646.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.498.779.491	5.752.166.184
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	12.043.195.837	14.278.991.750
4. Phải trả người lao động	314		11.096.717.620	7.967.087.083
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	21.573.693.451	2.657.780.734
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	7.120.964.687	5.098.940.376
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	477.596.905.029	498.953.877.966
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II- Nợ dài hạn	330		321.449.290.802	174.561.410.781
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	61.232.713.831	33.547.350.781
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	257.885.416.000	139.340.060.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.27	2.331.160.971	1.674.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		481.415.303.133	424.117.368.129
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	481.415.303.133	424.117.368.129
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.230.235.181	1.768.793.833
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		356.546.460	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.397.044.230	44.927.297.144
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(31.895.312.140)	726.999.979
- LNST chưa phân phối kì này	421b		112.292.356.370	44.200.297.165
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		23.602.407.162	2.592.207.052
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.571.175.189.778	1.346.232.403.597

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Bửu Tuấn



Huỳnh Bửu Tuấn



Trần Minh Loan

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.778.802.118.680	1.959.197.338.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		136.869.966.480	49.255.525.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	2.641.932.152.200	1.909.941.813.559
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.141.536.138.916	1.501.059.086.520
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		500.396.013.284	408.882.727.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	6.295.822.411	4.142.411.997
7. Chi phí tài chính	22	5.22	41.039.984.565	20.956.309.875
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.398.616.015</i>	<i>19.205.602.554</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.285.804.851	9.342.975.717
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	332.759.366.386	279.257.845.593
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	78.266.140.711	83.396.783.059
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		57.912.148.884	38.757.176.226
12. Thu nhập khác	31	5.25	10.314.961.279	22.998.854.299
13. Chi phí khác	32	5.25	609.073.749	66.965.414
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.705.887.530	22.931.888.885
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		67.618.036.414	61.689.065.111
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	9.677.960.350	16.638.833.470
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.907.160.971	900.000.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		55.032.915.093	44.150.231.641
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		56.945.936.391	44.110.042.557
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.913.021.298)	40.189.084
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	1.525	1.181

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Bửu Tuấn

Huỳnh Bửu Tuấn



Trần Minh Loan

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	67.618.036.414	61.689.065.111
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	19.359.736.807	13.270.191.962
- Các khoản dự phòng	3	8.029.139.764	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	2.550.000.000	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(16.180.335.410)	(12.838.412.886)
- Chi phí lãi vay	6	27.398.616.015	19.205.602.554
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	108.775.193.590	81.326.446.741
- Biến động các khoản phải thu	9	(72.853.307.744)	(164.104.786.080)
- Biến động hàng tồn kho	10	(12.107.704.281)	(20.202.974.818)
- Biến động các khoản phải trả	11	121.122.202.803	67.239.802.365
- Biến động chi phí trả trước	12	(158.680.983.183)	(92.816.486.760)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.494.352.924)	(17.997.840.369)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.156.084.750)	(10.885.672.214)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	42.418.166.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52.395.036.488)	(115.023.344.695)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.347.024.365)	(15.681.897.744)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.251.878.182	12.666.577.732
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(172.931.184.057)	(272.405.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	251.257.846.000	176.820.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(126.081.121.007)	(147.626.620.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.880.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.718.657.709	3.851.196.958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.130.947.538)	(235.495.143.054)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.515.716.001.973	1.376.053.457.894
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.421.077.618.910)	(1.012.879.131.628)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.284.303.250)	(7.441.084.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72.354.079.813	355.733.242.246
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.171.904.213)	5.214.754.497
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.960.539.248	56.745.784.751
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	56.788.635.035	61.960.539.248

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Bửu Tuấn

Huỳnh Bửu Tuấn



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Sở hữu vốn tại ngày 31/12/2018:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp	Tỷ lệ
	đến 31/12/2018 VND	
I. Các cổ đông	373.399.290.000	100,00%
Các cổ đông lớn	201.865.260.000	54,06%
1 Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	48,20%
2 Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	5,86%
Các cổ đông nhỏ	171.534.030.000	45,94%
1 Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	1,25%
2 Các cổ đông khác	166.860.030.000	44,69%
Tổng	373.399.290.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của nhóm Công ty trong năm 2018: Mua bán, phân phối, nhập khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con được hợp nhất và công ty liên kết như sau:

Các Công ty con trực tiếp:

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,57%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,57%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ phần MT Gas
- Địa chỉ	:	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	67,19 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	67,19 %

Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)

- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,94%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,94%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Nam Gas
- Địa chỉ	:	40/18 Ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn
- Địa chỉ	:	Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	100 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	100 %

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.3. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**Danh sách các Công ty liên kết:**

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Bình khí Hong Vina
- Địa chỉ	:	295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	35%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang
- Địa chỉ	:	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát
- Địa chỉ	:	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt
- Địa chỉ	:	Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vinh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH TM DV Minh Thảo
- Địa chỉ	:	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đức Hải
- Địa chỉ	:	Tổ 92, lô 8 A1.1, Hòa Minh, phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Ngon Lửa Thần
- Địa chỉ	:	Số 4 phố Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	40,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	60,00%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm, Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn với số vốn góp là 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn của Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần MT Gas với tổng số lượng là 4.232.970 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 42.329.700.000 đồng, chiếm 67,19% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần MT Gas. Công ty mua với giá là 35.645.251.007 đồng. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 2.400.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 24.000.000.000 đồng, chiếm 40% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần và Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn góp là 12.000.000.000 đồng, chiếm 20% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần, Công ty mua với tổng giá mua là 84.000.000.000 đồng.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

	2018
	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Hao mòn của tài sản cố định vô hình phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là giá trị vô bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vô bình gas. Chi phí vô bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vô bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vô bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

-4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.752.087.342	7.979.112.024
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.036.547.693	53.981.427.224
Tổng	56.788.635.035	61.960.539.248

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2 Đầu tư chứng khoán đến ngày đáo hạn**

Mẫu B 09-DN/HN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	49.533.338.057	49.533.338.057	127.860.000.000	127.860.000.000
Dài hạn	49.533.338.057	49.533.338.057	127.860.000.000	127.860.000.000
Tổng	49.533.338.057	49.533.338.057	127.860.000.000	127.860.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng thương mại từ 3 đến 12 tháng.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty CP Năng Lượng An Phú	275.562.256.035	194.949.429.432		
Công ty CP Kinh Doanh Và XNK	152.530.946.230	31.580.535.697		
Khi Gas Hóa Lỏng Vận Lộc	5.057.425.899	-		
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Tân Đại Phát	12.263.783.407	6.276.853.945		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	9.127.502.465	4.141.122.251		
Công ty TNHH Vinh Quang	9.067.180.575	2.725.238.751		
Công ty CP SX & KD Thương mại Thành Đạt	13.884.085.176	4.301.363.618		
Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Hà An	4.861.073.255	5.607.841.720		
Khách hàng khác	68.770.259.028	140.316.473.450		
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
Tổng	275.562.256.035	194.949.429.432		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	400.000.000		10.600.000.000	
Công ty TNHH MTV Minh Giá	-		10.200.000.000	
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ	200.000.000		200.000.000	
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình	200.000.000		200.000.000	
b) Phải thu cho vay dài hạn	18.337.320.000		27.631.204.018	
Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn	-		13.400.000.000	
Công ty CP SX TM Và KD Thành Đạt	5.520.000.000		5.370.000.000	
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000		4.600.000.000	
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Tân Đại Phát	8.217.320.000		4.261.204.018	
Tổng	18.737.320.000		38.231.204.018	

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	22.354.695.741	-	48.445.077.265	-
- Tạm ứng	6.229.295.537	-	26.010.650.959	-
- Ký cược, ký quỹ	1.974.600.000	-	1.389.913.000	-
- Ứng tiền cho Ông Trần Minh Loan mua Cổ phần Công ty Đông Phương	9.410.327.455	-	9.410.327.455	-
- Công ty CP Sài Gòn Cửu Long	-	-	4.932.760.000	-
- Công ty TNHH Đặng Toàn	-	-	4.450.000.000	-
- Phải thu khác	4.740.472.749	-	2.251.425.851	-
Dài hạn	65.956.302.562	-	61.876.551.237	-
- Ký cược, ký quỹ	38.875.615.004	-	24.623.323.679	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan [1]	14.443.187.558	-	19.443.227.558	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu [2]	3.185.000.000	-	3.685.000.000	-
- Phải thu ủy thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa [3]	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	4.672.500.000	-	9.345.000.000	-
Tổng	88.310.998.303	-	110.321.628.502	-

[1] Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan. Trong kỳ, Công ty thực hiện giảm nợ với số tiền là 2.500.020.000 đồng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 19/10/2017.

[2] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[3] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Khí hóa lỏng	184.446	2.299.938.330	-	-
- Gas bình 45 kg	8.338	116.828.117	-	-
- Hàng hóa khác	-	28.797.753	-	-
- Tài sản khác	-	211.522.243	-	1.200.000
Tổng	192.784	2.657.086.443	-	1.200.000

Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại 31/12/2018 chủ yếu là giá trị hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê thực tế so với sổ sách phát sinh từ năm 2014 trở về trước của Công ty Cổ phần MT Gas. Hiện tại, Công ty vẫn đang xem xét hướng xử lý đối với giá trị tài sản thiếu này.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.863.835.318	-	318.837.955	-
Công cụ, dụng cụ	2.359.454.576	-	1.621.808.890	-
Chi phí SX KDDD	523.693.455	-	467.852.224	-
Thành phẩm	839.130.137	-	-	-
Hàng hóa	68.604.356.787	-	59.674.266.923	-
Tổng	74.190.470.273	-	62.082.765.992	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	9.853.239.494		6.576.598.608	
- Phí bảo lãnh mua LPG	68.145.441		390.442.799	
- Chi phí thuê văn phòng và khác	9.785.094.053		6.186.155.809	
b) Dài hạn	538.457.266.828		405.352.251.523	
- Chi phí mua vỏ chai LPG	424.704.504.368		354.598.427.618	
- Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG	100.342.822.305		39.335.834.200	
- Chi phí thuê đất dài hạn	1.771.742.607		3.897.833.739	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.638.197.548		7.520.155.966	
Tổng	548.310.506.322		411.928.850.131	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	14.278.991.750	279.359.832.868	281.595.628.781	12.043.195.837
Thuế GTGT	2.286.146.093	221.720.177.962	220.504.531.486	3.501.792.569
Thuế xuất, nhập khẩu	-	45.041.911.897	45.041.911.897	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.579.475.187	9.482.405.040	13.156.084.750	7.905.795.477
Thuế thu nhập cá nhân	375.525.885	2.617.507.500	2.403.426.181	589.607.204
Các loại thuế khác	37.844.585	482.674.467	482.674.467	37.844.585
Các khoản phí, lệ phí và các khoản p	-	15.156.002	7.000.000	8.156.002
Phải thu	1.256.911.335	355.175.608	134.012.482	1.035.748.209
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	263.335	263.335	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.194.617.881	195.555.310	100.776	999.163.347
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	60.393.442	159.356.963	133.911.706	34.948.185
Các khoản khác phải thu nhà nước	1.636.677	-	-	1.636.677

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	25.364.740.393	83.567.164.709	58.240.692.364	1.394.048.925	-	168.566.646.391
Tăng trong năm	53.182.919.783	40.219.346.673	20.046.104.361	1.117.531.855	2.074.966.236	116.640.868.908
Mua trong năm	3.023.167.449	9.995.220.456	10.562.750.460	364.940.000	-	23.946.078.365
Tặng do hợp nhất kinh doanh	50.159.752.334	30.224.126.217	9.483.353.901	752.591.855	2.074.966.236	92.694.790.543
Giảm trong năm	6.436.960.564	28.109.484.091	3.182.177.457	310.022.300	-	38.038.644.412
Thanh lý nhượng bán	6.436.960.564	28.109.484.091	3.182.177.457	227.558.840	-	37.956.180.952
Giảm khác	-	-	-	82.463.460	-	82.463.460
Số dư tại 31/12/2018	72.110.699.612	95.677.027.291	75.104.619.268	2.201.558.480	2.074.966.236	247.168.870.887
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	19.378.432.273	62.411.852.444	35.719.292.325	1.069.684.000	-	118.579.261.042
Tăng trong năm	40.583.602.916	15.956.537.423	12.893.766.986	993.254.893	1.998.443.721	72.425.605.939
Khấu hao trong năm	5.069.707.409	5.954.585.062	7.086.145.550	240.663.038	16.333.332	18.367.434.391
Tặng do hợp nhất kinh doanh	35.513.895.507	10.001.952.361	5.807.621.436	752.591.855	1.982.110.389	54.058.171.548
Giảm trong năm	5.905.266.422	21.150.304.744	3.182.177.457	310.022.300	-	30.547.770.923
Thanh lý nhượng bán	5.905.266.422	21.150.304.744	3.182.177.457	227.558.840	-	30.465.307.463
Giảm khác	-	-	-	82.463.460	-	82.463.460
Số dư tại 31/12/2018	54.056.768.767	57.218.085.123	45.430.881.854	1.752.916.593	1.998.443.721	160.457.096.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2018	5.986.308.120	21.155.312.265	22.521.400.039	324.364.925	-	49.987.385.349
Tại ngày 31/12/2018	18.053.930.845	38.458.942.168	29.673.737.414	448.641.887	76.522.515	86.711.774.829

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2018	14.562.637.765	182.575.000	14.745.212.765
Tăng trong năm	5.297.199.904	626.181.977	5.923.381.881
Mua trong năm	-	424.990.000	424.990.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.297.199.904	201.191.977	5.498.391.881
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	19.859.837.669	808.756.977	20.668.594.646
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2018	2.824.592.701	115.831.595	2.940.424.296
Tăng trong năm	1.350.665.935	332.819.473	1.683.485.408
Khấu hao trong năm	842.911.930	149.390.486	992.302.416
Tăng do hợp nhất kinh doanh	507.754.005	183.428.987	691.182.992
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	4.175.258.636	448.651.068	4.623.909.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	11.738.045.064	66.743.405	11.804.788.469
Tại ngày 31/12/2018	15.684.579.033	360.105.909	16.044.684.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018		Lai số lũy kế đầu tư LD-LK	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			28.752.715.625	-	39.952.715.625	-	3.658.022.717	-	-	-
Công ty TNHH Đức Hải	49,00%	49,00%	3.000.000.000	-	(2.855.348.869)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Bình Khí Đà Nẵng	35,00%	35,00%	10.725.395.625	-	9.491.948.925	-	9.491.948.925	10.725.395.625	-	-
Công ty TNHH DV TM Minh Thảo	30,00%	30,00%	9.800.000.000	-	(617.413.229)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	-	19.801.328	-	19.801.328	1.470.000.000	-	-
Công ty TNHH Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	(2.385.320.000)	-	-	2.385.320.000	-	-
Công ty TNHH Vĩnh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	-	4.354.562	-	4.354.562	1.372.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần	0,00%	0,00%	-	-	-	-	-	24.000.000.000	-	-
Tổng			28.752.715.625	-	3.658.022.717	-	39.952.715.625	-	-	3.141.776.263
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			55.351.300.000	54.871.300.000	29.871.300.000	29.871.300.000	(480.000.000)	29.871.300.000	29.871.300.000	-
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng			6.740.000.000	6.740.000.000	-	6.740.000.000	-	6.740.000.000	6.740.000.000	-
Đầu tư của hàng LPG - Nam gas			13.531.300.000	13.531.300.000	-	13.531.300.000	-	13.531.300.000	13.531.300.000	-
Công ty CP Năng Lượng VinaBerry			480.000.000	-	(480.000.000)	-	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thần Lửa			25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-	-	-
Tổng			55.351.300.000	54.871.300.000	(480.000.000)	29.871.300.000	(480.000.000)	29.871.300.000	29.871.300.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Lợi thế thương mại

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01	178.252.205.747	86.162.992.826
Tăng trong năm	93.310.225.978	120.073.777.941
Phân bổ trong năm	23.449.669.418	27.984.565.020
Tại ngày 31 tháng 12	248.112.762.307	178.252.205.747

Trong năm, Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn với số vốn góp là 20.000.000.000 đồng, chiếm 100 % tổng vốn của Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần MT Gas với tổng số lượng là 4.232.970 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 42.329.700.000 đồng, chiếm 67,19% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần MT Gas, Công ty mua với giá là 35.645.251.007 đồng. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần Ngon Lửa Thần với tổng số lượng là 2.400.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 24.000.000.000 đồng, chiếm 40% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngon Lửa Thần và Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Ngon Lửa Thần với tổng số lượng là 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 12.000.000.000 đồng, chiếm 20% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngon Lửa Thần, Công ty mua với tổng giá mua là 84.000.000.000 đồng. Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch này là 93.310.225.978 đồng.

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	236.818.205.926	236.818.205.926	212.282.646.792	212.282.646.792
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	37.303.184.577	37.303.184.577	47.802.151.064	47.802.151.064
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	29.084.276.271	29.084.276.271	83.601.586.093	83.601.586.093
Công ty cổ phần kinh doanh Khí Miền Bắc	12.295.170.738	12.295.170.738	-	-
Công ty TNHH Bình Khí Đốt HongVina	6.987.216.981	6.987.216.981	14.281.436.400	14.281.436.400
Itocho Petroleum Co., Pte., Ltd	11.222.644.624	11.222.644.624	43.969.832.192	43.969.832.192
Các đối tượng khác	139.925.712.735	139.925.712.735	22.627.641.043	22.627.641.043
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	236.818.205.926	236.818.205.926	212.282.646.792	212.282.646.792

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	21.573.693.451	2.657.780.734
Chi phí lãi vay	4.104.714.886	2.200.451.795
Chi phí phải trả khác	17.468.978.565	457.328.939
b) Dài hạn	-	-
Tổng	21.573.693.451	2.657.780.734

5.16 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	7.120.964.687	5.098.940.376
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.646.211	-
Kinh phí công đoàn	1.158.994.500	146.980.249
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	358.417.565	263.428.747
Phải trả về cổ phần hoá	76.682.169	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.956.709.736	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	789.326.499	669.904.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.769.188.007	4.018.626.831
b) Dài hạn	61.232.713.831	33.547.350.781
Nhận ký quỹ, ký cược vô bình gas	61.232.713.831	33.547.350.781
Tổng	68.353.678.518	38.646.291.157

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu B 09-DN/HN
Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	477.596.905.029	477.596.905.029	1.515.716.001.973	1.537.072.974.910	498.953.877.966	498.953.877.966
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Chi nhánh Hà Nội [1]	39.181.884.188	39.181.884.188	289.452.312.312	284.464.159.704	34.193.731.580	34.193.731.580
Ngân hàng Bangkok - Chi nhánh Hà Nội [2]	183.329.033.675	183.329.033.675	526.113.083.979	468.116.766.231	125.332.715.927	125.332.715.927
BANGKOK BANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh [3]	38.737.598.242	38.737.598.242	111.401.597.742	122.017.424.907	49.353.425.407	49.353.425.407
Ngân hàng TMCP Á Châu [4]	4.489.000.000	4.489.000.000	28.428.702.784	23.939.702.784	-	-
Công ty Saicam [9]	-	-	2.950.000.000	116.625.000.000	113.675.000.000	113.675.000.000
Ông Trần Quốc Bửu [5]	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Minh Thông [6]	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Mizubao - Chi nhánh Hồ Chí Minh [7]	79.866.131.416	79.866.131.416	271.842.237.089	301.109.154.190	109.133.048.517	109.133.048.517
TOKYO-MITSUBISHI BANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh [8]	91.993.257.508	91.993.257.508	245.528.068.067	220.800.767.094	67.265.956.535	67.265.956.535
b) Vay dài hạn	257.885.416.000	257.885.416.000	120.165.000.000	1.619.644.000	139.340.060.000	139.340.060.000
Công ty Saicam [9]	255.585.000.000	255.585.000.000	120.165.000.000	990.000.000	136.410.000.000	136.410.000.000
Ngân hàng Bangkok - Chi nhánh Hà Nội [2]	1.864.000.000	1.864.000.000	-	466.000.000	2.330.000.000	2.330.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên [10]	436.416.000	436.416.000	-	163.644.000	600.060.000	600.060.000
Tổng	735.482.321.029	735.482.321.029	1.635.881.001.973	1.538.692.618.910	638.293.937.966	638.293.937.966

[1] Hợp đồng cấp tín dụng số HNI-18-007 tháng 1/2018, Bao gồm:

+ Hạn mức tín dụng vay ngắn hạn: 5.000.000 USD, thời hạn giải ngân: 31/1/2018. Kỳ hạn tối đa 12 tháng. Mục đích vay: Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động của Khách hàng bao gồm thanh toán LC phát hành bởi ngân hàng. Thời hạn giải ngân đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa 8 tháng, trong trường hợp khoản vay được sử dụng để thanh toán LC trả chậm thì kỳ hạn khoản vay cũng với thời hạn thanh toán trả chậm tối đa là 08 tháng. Lãi suất: chi phí vốn của Ngân hàng đối với loại tiền và kỳ tính lãi của Khoản giải ngân liên quan cộng với 1% một năm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

+ Hạn mức phát hành và chấp nhận thanh toán thư tín dụng số tiền 3.000.000 USD. Mục đích: hỗ trợ việc phát hành, sửa đổi Thư tín dụng thương mại trả chậm hoặc trả ngay và chấp nhận các hối phiếu được xuất trình theo LC trả chậm phát hành bởi ngân hàng. Thời hạn phát hành đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa lên đến 12 tháng cho mỗi LC phát hành bởi ngân hàng và lên đến 03 tháng cho mỗi Chấp nhận thanh toán LC trả chậm bởi Ngân hàng. Trong trường hợp khoản vay được sử dụng để thanh toán LC trả chậm thì kỳ hạn khoản vay cũng với thời hạn thanh toán trả chậm tối đa là 08 tháng;

+ Hạn mức bảo lãnh ngân hàng số tiền 3.000.000 USD. Các loại bảo lãnh: Thư tín dụng dự phòng; Bảo lãnh thanh toán trước; Bảo lãnh dự thầu; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh thanh toán; Bảo lãnh theo yêu cầu. Mục đích: Nhằm cung cấp hạn mức cho việc phát hành các Bảo lãnh ngân hàng, đặc biệt là Bảo lãnh thanh toán cho các nhà cung cấp. Thời hạn phát hành đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa lên đến 14 tháng cho mỗi Bảo lãnh ngân hàng.

[2] Thỏa thuận tín dụng số BBL-HN 02/2016 ngày 03/03/2016 với tổng hạn mức: 10.000.000 USD, Mục đích: Tài trợ nhu cầu vốn huy động và các chi phí hoạt động khác được ngân hàng chấp thuận. Lãi suất: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng. Thời hạn vay: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng. Khoản vay được bảo lãnh bằng Thư tín dụng dự phòng trị giá 10.000.000 USD do Ngân hàng Saitama Bank Limited phát hành.

Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31/3/2017, hạn mức tín dụng là 7.000.000 USD; Cấp bổ sung khoản vay trung hạn là 2.330.000.000 đồng để xây dựng Bể chứa khí gas mới. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất theo Chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 2%/năm.

Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03 ngày 25/12/2017, thời hạn giải ngân của Khoản vay Trung hạn được gia hạn đến ngày 31/1/2018;

Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 22/6/2018, tăng hạn mức tín dụng kết hợp lên là 10.000.000 USD từ 7.000.000.00 USD. Tài sản đảm bảo là Thư tín dụng Dự phòng trị giá 10.000.000 USD do Ngân hàng Saitama Resona Bank Limited phát hành.

[3] Công ty ngân hàng Bangkok ngày 17 tháng 07 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm, được tính và trả vào mỗi tháng. Mục đích: Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo. Lãi suất phạt đối với nợ quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/ năm.

[4] Hợp đồng tín dụng số MIC.DN.813.110118 ngày 18/01/2018. Hạn mức cho vay là 4.753.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh gas khí hóa lỏng. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: được quy định trong khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp: Phương tiện vận tải trị giá 7.233.000.000 đồng.

[5] Vay ngắn hạn cá nhân của ông Trần Quốc Bửu theo hợp đồng vay số 02/2018/HĐVTS/TQB-GDS ngày 19/11/2018, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: sử dụng để đầu tư và kinh doanh, lãi suất 8%/năm (một năm có 365 ngày), thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian trả lãi và gốc vay không được chậm hơn 31/03/2019. Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo

[6] Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Minh Thông theo hợp đồng vay số 01/2018/HĐVTS/NMT-GDS ngày 19/11/2018, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: sử dụng để đầu tư và kinh doanh, lãi suất 8%/năm (một năm có 365 ngày), thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian trả lãi và gốc vay không được chậm hơn 31/03/2019. Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

- [7] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn ký giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/12/2014:
- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 7.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức : Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh.
 - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
 - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
 - Ngày hết hạn giải ngân : 22/12/2015. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- [8] Hợp Đồng chung về các giao dịch tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/082/15 được ký giữa Công ty và Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 7.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 01/04/2015 đến ngày 16/03/2016. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Lãi suất : 0,5%/ năm trên chi phí vốn của ngân hàng.
 - Phí phát hành thư bảo lãnh : 1% một năm(tính theo số tháng của kỳ bảo lãnh) tối thiểu 520.000 VND.

[9] Công ty vay Công ty Saisan theo các hợp đồng vay vốn:

- Vay dài hạn của Công ty Saisan theo hợp đồng vay ngày 03/01/2017. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/08/2017. Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 30/10/2017. Số tiền vay là 6.000.000 USD, lãi suất 2%/năm. Thời hạn trả lãi: 6 tháng 1 lần. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 25/12/2024.
- Khoản vay dài hạn được điều chỉnh theo phụ lục 1 ngày 05/10/2018 từ khoản vay ngân hàng của Công ty Saisan theo hợp đồng ngày 20/09/2017. Số tiền vay là 5.000.000 USD, lãi suất tiền vay tăng lên 3%/năm tính từ ngày 05/10/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 11/03/2023.
- [10] Hợp đồng cho vay số 12451.17.037.282843.TD ngày 21/8/2017 với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên. Số tiền vay: 673.487.640 đồng. Mục đích: Thanh toán tiền mua 2 xe ô tô ISUZU cabin chassis. Thời hạn rút vốn: tối đa 2 tháng kể từ ngày 03/7/2017. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là 2 xe ô tô ISUZU cabin chassis.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Số dư tại 01/01/2017	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	373.399.290.000	1.433.420.000							
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	8.194.908.379	2.634.502.091	387.435.044.888
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	44.200.297.165	47.959.569	44.248.256.734
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	44.110.042.557	40.189.084	44.150.231.641
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.770.485	-	90.254.608	7.770.485	98.025.093
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	7.467.908.400	90.254.608	7.565.933.493
Giảm khác	-	-	-	-	7.770.485	-	7.467.908.400	90.254.608	7.467.908.400
Số dư tại 31/12/2017	373.399.290.000	1.433.420.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.768.793.833	-	44.927.297.144	2.592.207.052	424.117.368.129
Số dư tại 01/01/2018	373.399.290.000	1.433.420.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.768.793.833	-	44.927.297.144	2.592.207.052	424.117.368.129
Tăng trong năm	-	-	-	-	461.441.348	356.546.460	57.873.472.286	21.010.200.110	79.701.660.204
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	56.945.936.391	(1.913.021.298)	55.032.915.093
Tặng do hợp nhất	-	-	-	-	461.441.348	356.546.460	927.535.895	22.923.221.408	24.668.745.111
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	22.403.725.200	-	22.403.725.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	22.403.725.200	-	22.403.725.200
Số dư tại 31/12/2018	373.399.290.000	1.433.420.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.230.235.181	356.546.460	80.397.044.230	23.602.407.162	481.415.303.133

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	4.674.000.000
Các cổ đông khác	166.860.030.000	166.860.030.000
Tổng	373.399.290.000	373.399.290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.403.725.200	7.467.908.400

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.230.235.181	1.768.793.833
Tổng	2.230.235.181	1.768.793.833

5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán gas (LPG)	2.713.371.357.229	1.902.081.901.830
Doanh thu bán hàng khác	14.601.736.129	40.461.553.496
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	15.764.004.162	11.210.934.574
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.065.021.160	5.442.948.721
Tổng	2.778.802.118.680	1.959.197.338.621
Các khoản giảm trừ doanh thu	136.869.966.480	49.255.525.062
- Chiết khấu thương mại	125.790.864.344	49.255.525.062
- Giảm giá hàng bán	2.032.755.885	-
- Hàng bán bị trả lại	9.046.346.251	-
Doanh thu thuần	2.641.932.152.200	1.909.941.813.559

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán gas (LPG)	2.109.734.720.329	1.464.804.259.542
Giá vốn bán hàng khác	11.734.946.954	34.353.300.055
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.066.471.633	1.901.526.923
Tổng	2.141.536.138.916	1.501.059.086.520

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.718.657.709	3.851.006.958
Lãi bán khoán đầu tư	-	190.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	319.929.702	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	257.235.000	291.215.039
Tổng	6.295.822.411	4.142.411.997

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.398.616.015	19.205.602.554
Chuyển nhượng vốn góp	240.924.138	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.215.239.968	1.750.707.321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(240.924.138)	-
Chi phí tài chính khác	1.426.128.582	-
Tổng	41.039.984.565	20.956.309.875

5.23 Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	151.988.518.821	113.884.910.356
Chi phí phân bổ mua vỏ bình gas	56.323.873.103	57.788.283.173
Phí thay van, sửa, kiểm định vỏ bình gas	8.141.685.374	17.485.897.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.329.008.390	4.218.253.876
Chi phí bán hàng khác	111.976.280.698	85.880.500.501
Tổng	332.759.366.386	279.257.845.593

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	18.613.943.338	14.299.656.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	691.004.578	497.969.195
Phân bổ lợi thế thương mại	23.449.669.418	27.984.565.020
Chi phí quản lý khác	35.511.523.377	40.614.592.407
Tổng	78.266.140.711	83.396.783.059

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.25 Thu nhập/chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	1.639.967.122	8.987.215.928
Các khoản khác	8.674.994.157	14.011.638.371
Tổng	10.314.961.279	22.998.854.299
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	581.807.819	
Các khoản khác	27.265.930	66.965.414
Tổng	609.073.749	66.965.414
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	9.705.887.530	22.931.888.885

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.618.036.414	61.689.065.111
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	26.983.046.145	46.166.543.628
Chi phí không được trừ	26.983.046.145	46.166.543.628
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	15.207.298.671
Thu nhập khác	-	15.207.298.671
Thu nhập chịu thuế	94.601.082.559	92.648.310.068
Trong đó		
Thu nhập không chịu thuế	50.505.441.774	9.454.142.718
Thu nhập chịu thuế	44.095.640.785	83.194.167.350
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.819.128.157	16.638.833.470
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	858.832.193	-
Thuế TNDN hiện hành	9.677.960.350	16.638.833.470

5.27 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.331.160.971	1.674.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.331.160.971	1.674.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.945.936.391	44.110.042.557
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.945.936.391	44.110.042.557
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.525	1.181

5.29 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.840.584.513	113.744.225.777
Chi phí nhân công	178.600.479.215	143.166.021.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.359.736.807	13.270.191.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.322.535.215	71.746.484.581
Chi phí khác bằng tiền	59.331.529.454	72.961.236.924
Tổng	445.454.865.204	414.888.160.622

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.270.253.771	1.903.368.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua, sơn, sửa, kiểm định vỏ chai LPG	62.483.740.000	52.432.296.000
		Bán hàng	1.888.510.497	2.592.678.664
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG	49.686.502.647	18.365.666.734
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Cho vay	-	5.370.000.000
		Bán LPG	74.734.143.495	45.124.152.729
		Cho vay	-	4.600.000.000
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	37.260.153.172	35.547.618.749
		Cho vay	-	4.261.204.018
Phải thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Thủ hồi, bù trừ nợ	5.000.040.000	5.005.495.125
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Cho vay	-	250.085.000.000
		Phí bảo hiểm	461.899.500	-
		CP bảo lãnh tín dụng	225.383.888	-

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu				
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Trả trước người bán	149.650.900	-
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG	13.884.085.176	4.301.363.618
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Nợ tiền vay	5.520.000.000	5.370.000.000
		Bán LPG	9.067.180.575	2.725.238.751
		Nợ tiền vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	12.263.783.407	6.276.853.945
		Nợ tiền vay	8.217.320.000	4.261.204.018
Phải thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Trả thay phải thu Công ty Xăng Dầu An Pha	14.443.187.558	19.443.227.558
Phải thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Phải thu lại tiền ứng mua Cổ phần Công ty Xăng Dầu Đồng Phương	9.410.327.455	9.410.327.455
Phải trả				
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Tiền mua, Sửa chữa, kiểm định vỏ chai LPG	6.987.216.981	14.281.436.400
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Nợ vay	255.585.000.000	250.085.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.788.635.035	61.960.539.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	361.809.387.985	330.730.215.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.533.338.057	127.860.000.000
Tổng	468.131.361.077	520.550.754.611
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	735.482.321.029	638.293.937.966
Phải trả người bán và phải trả khác	305.171.884.444	250.928.937.949
Chi phí phải trả	21.573.693.451	2.657.780.734
Tổng	1.062.227.898.924	891.880.656.649

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán đo Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA			
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018			
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)			Mẫu B 09-DN/HN
6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	243.939.170.613	61.232.713.831	305.171.884.444
Chi phí phải trả	21.573.693.451	-	21.573.693.451
Hoàn vay	477.596.905.029	257.885.416.000	735.482.321.029
Tổng	743.109.769.093	319.118.129.831	1.062.227.898.924
Tại 01/01/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	217.381.587.168	33.547.350.781	250.928.937.949
Chi phí phải trả	2.657.780.734	-	2.657.780.734
Các khoản vay	498.953.877.966	139.340.060.000	638.293.937.966
Tổng	718.993.245.868	172.887.410.781	891.880.656.649

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.788.635.035	-	56.788.635.035
Phải thu khách hàng và phải thu khác	277.515.765.423	84.293.622.562	361.809.387.985
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.533.338.057	-	49.533.338.057
Tổng	383.837.738.515	84.293.622.562	468.131.361.077
Tại 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.960.539.248	-	61.960.539.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.222.460.108	89.507.755.255	330.730.215.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.860.000.000	-	127.860.000.000
Tổng	431.042.999.356	89.507.755.255	520.550.754.611

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Bửu Tuấn

Huỳnh Bửu Tuấn

Trần Minh Loan



CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT